

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2023

(TCCS 17:2023/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**

Điện thoại: **02513 -836601**

Fax: **02513-836602**

E-mail:..... Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 145/2022/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 16/06/2022. Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **KEM NESTLÉ MILO ÓC QUẾ**
2. Thành phần: Nước, óc quế đường 19%, lớp phủ hỗn hợp 14%, đường 6%, dầu thực vật (*dừa, cọ*) 5%, bột *whey* (có chứa *sữa/ contain milk*) 4%, bột sôcôla lúa mạch 4%, chiết xuất lúa mạch 3%, hương liệu giống tự nhiên, chất nhũ hóa 471, chất ổn định (412, 410, 407a), maltodextrin.
Sản phẩm có chứa *sữa*, ngũ cốc chứa *gluten* và *sản phẩm đậu nành*. Có thể chứa *trứng, đậu phộng* và *các loại hạt*.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Tối đa 12 tháng kể từ tháng sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng phức hợp nhôm/ giấy, nắp bằng màng phức hợp Giấy/OPP, sau đó được đóng vào thùng carton. Chất liệu bao bì đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
Quy cách đóng gói: (28 que x 46 g)/ thùng carton. Thùng carton chỉ dùng làm mục đích chuyên chở và vận chuyển.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty Nestlé (Thai) Ltd. Địa chỉ: 40, Soi Sereethai 87, Kwaeng Minburi, Khet Minburi, Bangkok 10510, Thái Lan.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có nhãn đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (mục 7.1)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Enterobacteriaceae (EB)	cfu/g	10
2	Salmonella	Trong 25g	Không có

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Melamine	mg/kg	2,5

- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

- Tiêu chuẩn kim loại nặng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	1,0
2	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,02
3	Thiếc (Sn)	mg/kg	250
4	Asen (As)	mg/kg	2,0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 16 tháng 01 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Trung Kiên

Trưởng phòng phát triển kinh doanh ngành hàng mới.

TY
H
LÉ
NAI
A-T.E

Nội dung ghi nhãn dự thảo của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

KEM NESTLÉ MILO ỐC QUẾ

Thành phần: Nước, ốc quế đường 19%, lớp phủ hỗn hợp 14%, đường 6%, dầu thực vật (dừa, cọ) 5%, bột whey (có chứa sữa/ contain milk) 4%, bột sôcôla lúa mạch 4%, chiết xuất lúa mạch 3%, hương liệu giống tự nhiên, chất nhũ hóa 471, chất ổn định (412, 410, 407a), maltodextrin. Sản phẩm có chứa sữa, ngũ cốc chứa gluten và sản phẩm đậu nành. Có thể chứa trứng, đậu phộng và các loại hạt.

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong một khẩu phần 46 g: Năng lượng 140,0 kcal; chất béo 7,0 g; Chất đạm 2,0 g; Carbohydrate 18,0 g; Đường 11,0 g; Natri 40,0 mg.

Khối lượng tịnh: 46 g

Ngày sản xuất (NSX): 12 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên nắp bao bì sản phẩm

Hướng dẫn sử dụng: Ăn lạnh trực tiếp.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh dưới -18°C

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Xuất xứ: Thái Lan - Sản xuất bởi: Công ty Nestlé (Thai) Ltd. **Địa chỉ:** 40, Soi Sereethai 87, Kwaeng Minburi, Khet Minburi, Bangkok 10510, Thái Lan.

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam.

Tư vấn khách hàng: 1800-6699 (miễn phí cuộc gọi)

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 17:2023/NVL



Nestlé (Thai) Ltd.,
40, Soi Sereethai 87, Kwaeng Minburi,
Khet Minburi, Bangkok 10510, Thailand



Date/ Ngày: 09/01/2023



PRODUCT SPECIFICATION/ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Manufacturer/ Nhà sản xuất: Nestlé (Thai) Ltd.

Customer/ Khách hàng: Nestlé (Vietnam) Ltd.

Product/ Sản phẩm: MILO Chocolate Malt Ice Cream (MILO®)/ Kem Nestlé Milo Ốc Quế

Contaminants – Heavy Metal/ Các chất gây ô nhiễm – Kim loại nặng:

Parameter/ Thông số	Unit/ Đơn vị	Max Limit/ Ngưỡng tối đa	Reference/ Nguồn tham chiếu
Lead/ Chì	mg/kg	1,0	MoPH414 Standards for Contaminants in Food/ Tiêu chuẩn MoPH414 cho chất gây ô nhiễm trong thực phẩm
Mercury/ Thủy ngân	mg/kg	0,02	
Tin/ Thiếc	mg/kg	250	
Arsenic/ Thạch tín	mg/kg	2,0	

(Signature & Stamp/ Ký tên và đóng dấu)
QA Factory Manager/ Giám đốc chất lượng nhà máy

Yuvaree Yorsangsookkamol

บริษัท เนสท์เล่ (ไทย) จำกัด

Nestlé (Thai) Ltd

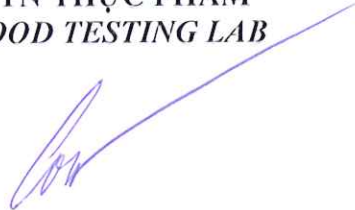
KT3-00216ATP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/01/2023
Page 01/02

1. Tên mẫu : KEM NESTLÉ MILO ÓC QUẾ
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 10/01/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 11/01/2023 – 13/01/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Customer
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00216ATP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/01/2023
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng thiếc, <i>Tin content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 162 : 2017 (Ref: AOAC (985.16))	2,0	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng thủy ngân, <i>Mercury content</i>	mg/kg	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng arsen tổng số, <i>Total arsenic content</i>	mg/kg	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng melamin, <i>Melamine content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 051: 2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng aflatoxin M1, <i>Aflatoxin M1 content</i>	µg/kg	QTTN/KT3 242:2019	0,02	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Enterobacteriaceae,	CFU/g	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.8. <i>Salmonella</i> spp/ 25 g		QTTN/KT3 353:2022 (Ref: SALMONELLA PRECIS METHOD – Thermo Fisher Scientific)	-	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/ Notes:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

**BẢN DỊCH
TRANSLATION**



Giá trị dinh dưỡng trong một gói

Năng lượng	Đường	Chất béo	Natri
140	11	7	40
kcal	g	g	mg
*7%	*17%	*11%	*2%

* Tính theo hàm lượng cao nhất khuyến dùng trong ngày

Lưu ý:
Việc tập thể dục thể thao thường xuyên sẽ giúp có một cơ thể khỏe mạnh và tinh thần sảng khoái

Hãy liên hệ với chúng tôi:
-Trung tâm chăm sóc khách hàng: 1162
Hoặc 0-2657-8601
-www.nestle.co.th

Nhãn hiệu được đăng ký của
Societe des Produits Nestlé
S.A.NUTRITIONAL
COMPASS

Khối lượng tịnh 46g

Được chứng nhận Halal
Hội đồng Trung ương Hồi giáo
Thái Lan
GOT.HL. 64 A154 206 03 53

Hạn sử dụng (ngày/tháng/năm):
Xem ngày in trên nắp
Bảo quản ở nhiệt độ dưới -18°C

Kem Nestlé Milo Sôcôla lúa mạch

Thành phần: Óc quế đường 19%, lớp phủ hỗn hợp 14%, đường 6%, dầu thực vật (dừa, cò) 5%, bột whey 4%, bột sôcôla lúa mạch 4%, chiết xuất lúa mạch 3%, phụ gia thực phẩm (407a, 410, 412, 471, maltodextrin), hương liệu giống tự nhiên được thêm vào.

Thông tin chất gây dị ứng thực phẩm: Chứa sữa, ngũ cốc chứa gluten và các sản phẩm từ đậu nành, có thể chứa trứng, đậu phộng và các loại hạt.

Được sản xuất bởi: Nestlé (Thai) Ltd. 40 Soi Sereethai 87, Kwaeng Minburi, Khet Minburi, Bangkok 10510 Thái Lan

Mở tại đây

Thông tin dinh dưỡng: Một khẩu phần: 1 cốc/vỏ óc quế (46 g);
Số khẩu phần/óc quế: 1
Giá trị dinh dưỡng mỗi khẩu phần: Tổng năng lượng 140 kcal;
Năng lượng từ chất béo 60 kcal; Tổng chất béo 7 g (11%)*; Chất béo bão hòa 4 g (20%)*; Cholesterol 0 mg (0%)*; Chất đạm 2 g;
Tổng carbohydrate 18 g (6%)*; Chất xơ 0 g (0%)*; Đường 11 g;
Natri 40 mg (2%); Vitamin A (0%)*; Vitamin B1 (0%)*; Vitamin B2 (<2%)*; Canxi (<2%)*; Sắt (<2%)*

* Phần trăm nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị mỗi ngày đối với người Thái Lan từ 6 tuổi trở lên (Thái RDI) tính theo nhu cầu năng lượng 2000 kcal/ ngày

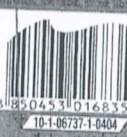
พลังงาน	น้ำตาล	ไขมัน	โซเดียม
140	11	7	40
กิโลจูล	กรัม	กรัม	มิลลิกรัม
*7%	*17%	*11%	*2%

นมรสหวาน
รสเข้มข้น
รสเข้มข้น
รสเข้มข้น

นมรสหวาน
รสเข้มข้น
รสเข้มข้น
รสเข้มข้น

ข้อมูลโภชนาการต่อหน่วยบริโภค: 1 ทัพพี (46 กรัม) หนึ่งหน่วยบริโภค
จำนวนหน่วยบริโภคต่อภาชนะบรรจุ: หนึ่งหน่วยบริโภค 140 กิโลจูล
พลังงานจากไขมัน 60 กิโลจูล ไขมันรวม 7 กรัม (11%)* ไขมันอิ่มตัว 4 กรัม (20%)*
คอเลสเตอรอล 0 มิลลิกรัม (0%)* โปรตีน 2 กรัม (4%)* คาร์โบไฮเดรตรวม 18 กรัม (6%)*
ใยอาหาร 0 กรัม (0%)* น้ำตาล 11 กรัม (22%)* น้ำตาลจากผลไม้ 2 กรัม (4%)*
น้ำตาลจากนม 9 กรัม (18%)* โซเดียม 40 มิลลิกรัม (2%)* วิตามินเอ (0%)*
วิตามินบี 1 (0%)* วิตามินบี 2 (<2%)* แคลเซียม (<2%)* เหล็ก (<2%)*

โปรดอ่านข้อมูลโภชนาการและข้อมูลอื่น ๆ เกี่ยวกับผลิตภัณฑ์นี้ที่ด้านหลังของบรรจุภัณฑ์
โปรดอ่านข้อมูลโภชนาการและข้อมูลอื่น ๆ เกี่ยวกับผลิตภัณฑ์นี้ที่ด้านหลังของบรรจุภัณฑ์
โปรดอ่านข้อมูลโภชนาการและข้อมูลอื่น ๆ เกี่ยวกับผลิตภัณฑ์นี้ที่ด้านหลังของบรรจุภัณฑ์



05_MILC

2022-149D1V3

Client: Nestlé

Product: Icecream

Date: 11/10/22

White Base

Milk Coating

UV Seal

Hot Stamp Cover

Hot Stamp

Color: C M Y K

Material: Paper

Other: 1

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2023

(Ngày mười ba tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga địa chỉ tại A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Tôi, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Phạm Thị Tuyết Mai cộng tác viên Biên dịch của Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt**;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Phạm Thị Tuyết Mai;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 02 tờ, 02 trang, lưu 01 bản tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Số công chứng: 195 quyền số 01/ TP/CC-SCC/BD

Người dịch

CÔNG CHỨNG VIÊN

mai

Phạm Thị Tuyết Mai



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lại Hồng Khánh

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2023

(Ngày mười ba tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)

Tại Văn phòng công chứng Trương Thị Nga, địa chỉ tại A4 – TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tôi, công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Nguyễn Thị Thanh Tâm, cộng tác viên Biên dịch của Văn phòng công chứng Trương Thị Nga, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng Thái sang tiếng Việt;
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Nguyễn Thị Thanh Tâm;
- Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 02 tờ, 02 trang, lưu 01 bản tại Văn phòng công chứng Trương Thị Nga, thành phố Hà Nội;

Số công chứng 196, quyển số 01/TP/CC-SCC/BD

NGƯỜI DỊCH



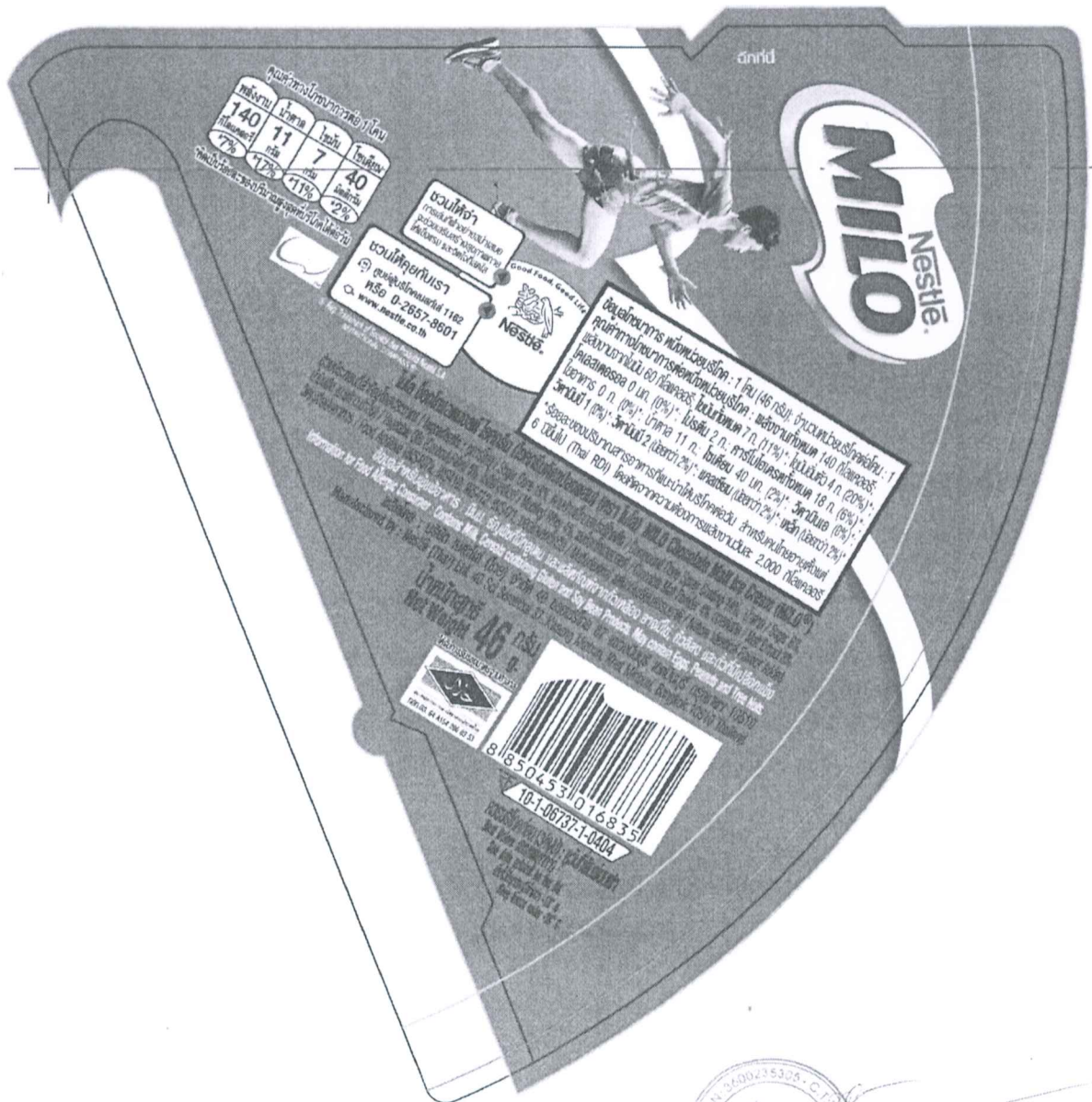
Nguyễn Thị Thanh Tâm

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lại Hồng Khánh



คุณค่าทางโภชนาการต่อ 100 กรัม

พลังงาน	ไขมัน	โปรตีน	คาร์โบไฮเดรต
140 กิโลแคลอรี	11 กรัม	7 กรัม	40 กรัม
47%	12%	41%	2%

ไขมันอิ่มตัว 0.5 กรัม (10%)
ไขมันไม่อิ่มตัว 10.5 กรัม (20%)
น้ำตาล 11 กรัม (22%)
ใยอาหาร 0.5 กรัม (2%)

นมถั่วเหลือง
Good Food, Good Life

นมถั่วเหลืองรสชา
รสชา 1182
โทร 0-2657-8601
www.nestle.co.th

ข้อมูลการันตีคุณภาพ: 1 ลิตร (46 กรัม) มีคุณค่าทางโภชนาการดังนี้:
 - โปรตีน: 34.2 กรัม (63%)
 - ไขมัน: 11.8 กรัม (22%)
 - คาร์โบไฮเดรต: 39.6 กรัม (99%)
 - พลังงาน: 140 กิโลแคลอรี (33%)



TRẦN TRUNG KIÊN
 Trưởng phòng phát triển kinh doanh số 2
 TP HCM, 14/12/2023

